VCCI

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

HỆ THỐNG NGẮN GỌN VỀ WTO VÀ CÁC CAM KẾT GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM

Hiệp định GATS và Biểu cam kết dịch vụ

CÁC HIỆP ĐỊNH VÀ NGUYÊN TẮC WTO

MỤC LỤC

01 GATS là gì? 03

02 Các nguyên tắc của GATS có áp dụng đối với tất cả các ngành dịch vụ không? 06

03 Các dịch vụ trong GATS được phân loại như thế nào? 07

04 GATS có thay thế chính sách của từng Chính phủ về thương mại dịch vụ không? 09

05 Khi tham gia WTO, các nước thành viên có những nghĩa vụ gì trong lĩnh vực dịch vụ? 10

06 GATS quy định các nghĩa vụ chung nào cho các nước thành viên? 11

07 Nghĩa vụ riêng của mỗi nước trong các cam kết cụ thể bao gồm những loại nào? 13

08 Việt Nam có thể giảm bớt các điều kiện đối với các nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ nước ngoài so với cam kết không? 17

09 Việt Nam có thể áp dụng các điều kiện đối với dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài khắt khe hơn mức đã cam kết không? 19

10 Là nước đang phát triển, Việt Nam có được hưởng ưu đãi nào đặc biệt trong việc thực hiện các nghĩa vụ trong GATS không? 20

11 Một Biểu cam kết dịch vụ chứa những thông tin gì ? 21

12 Cách đọc Biểu cam kết dịch vụ? 24

13 Tại sao doanh nghiệp cần biết cách đọc Biểu cam kết? 30

1 GATS là gì?

GATS – Tên viết tắt của ***Hiệp định chung về thương mại dịch vụ*** (General Agreement on Trade in Services) là một Hiệp định thuộc hệ thống WTO, ra đời năm 1995, quy định các nguyên tắc về thương mại dịch vụ.

Các nguyên tắc trong Hiệp định này ***áp dụng bắt buộc đối với tất cả các nước Thành viên WTO***. Tuy nhiên, đây chỉ là các nguyên tắc chung về thương mại dịch vụ. Nghĩa vụ cụ thể của mỗi nước thành viên trong việc mở cửa thị trường dịch vụ của nước mình (cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ từ các nước thành viên WTO khác) được nêu trong ***Biểu cam kết dịch vụ riêng*** của nước đó (Biểu này là kết quả của đàm phán mở cửa thị trường dịch vụ của nước đó khi gia nhập WTO).

Hộp 1 - Mục tiêu cơ bản của GATS

GATS được xây dựng nhằm đạt được các mục tiêu sau đây trong thương mại dịch vụ giữa các nước thành viên WTO:

- Tạo ra một hệ thống các quy tắc thương mại quốc tế đáng tin cậy;
- Đảm bảo đối xử bình đẳng và công bằng đối với tất cả các bên tham gia (*nguyên tắc không phân biệt đối xử*);
- Thúc đẩy các hoạt động kinh tế thông qua việc cam kết chính sách; và
- Thúc đẩy thương mại và phát triển thông qua tự do hóa dần dần (*tạo điều kiện để doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tiếp cận khách hàng dễ dàng hơn, đặc biệt là khách hàng ở thị trường nước khác*).

Hộp 2 – Các nội dung cơ bản của GATS

GATS bao gồm 03 nhóm nội dung sau:

- Các nguyên tắc và quy định cơ bản điều chỉnh thương mại dịch vụ nói chung;
- Các Phụ lục về các điều kiện đặc biệt liên quan đến từng ngành dịch vụ cụ thể;
- Các cam kết tự do hoá đối với từng ngành và phân ngành cụ thể nêu trong Biểu cam kết dịch vụ của từng nước thành viên.

Chú ý là GATS chỉ quy định các nghĩa vụ đối với Chính phủ các quốc gia thành viên (GATS không quy định gì về quyền lợi hay nghĩa vụ cho doanh nghiệp). Tuy nhiên, doanh nghiệp lại được hưởng lợi hoặc chịu tác động của Hiệp định này thông qua việc Chính phủ các nước thành viên thực hiện các nghĩa vụ trong GATS khi ban hành chính sách, quy định về thương mại dịch vụ ở nước mình.

2 Các nguyên tắc của GATS có áp dụng đối với tất cả các ngành dịch vụ không?

GATS điều chỉnh tất cả các ngành dịch vụ, trừ các lĩnh vực sau:

- **Các dịch vụ của Chính phủ** (ví dụ các chương trình an sinh xã hội và các dịch vụ công khác như y tế, giáo dục… được cung cấp dựa trên các điều kiện phi thị trường). Những dịch vụ này được cung cấp không trên cơ sở thương mại và không cạnh tranh với các nhà cung cấp dịch vụ khác;
- **Một số dịch vụ thuộc lĩnh vực vận tải hàng không** (ví dụ quyền lưu không và các dịch vụ liên quan trực tiếp đến quyền lưu không).

3 Các dịch vụ trong GATS được phân loại như thế nào?

GATS không có định nghĩa chính thức về dịch vụ. Thông thường, người ta phân biệt dịch vụ với hàng hoá ở đặc tính "vô hình" và "không nhìn thấy được" của dịch vụ (trong khi đó hàng hoá lại "hữu hình" và "có thể nhìn thấy").

GATS cũng không có quy định chính thức về cách thức phân loại dịch vụ. Tuy nhiên, Ban Thư ký của WTO đã chia các hoạt động dịch vụ thành ***12 ngành*** (Bảng dưới đây) với ***155 phân ngành*** (mỗi ngành bao gồm nhiều phân ngành).

Bảng 1: Các ngành dịch vụ theo phân loại không chính thức của GATS

Stt	Ngành dịch vụ	Mô tả chung
1	Dịch vụ kinh doanh	Bao gồm các dịch vụ chuyên môn như dịch vụ pháp lý, kế toán, kiểm toán, dịch vụ kiến trúc; máy tính và các dịch vụ liên quan; các dịch vụ kinh doanh khác
2	Dịch vụ thông tin	Bao gồm dịch vụ chuyển phát, viễn thông và nghe nhìn
3	Dịch vụ xây dựng	
4	Dịch vụ phân phối	Bao gồm dịch vụ đại lý hoa hồng, bán buôn, bán lẻ và nhượng quyền thương mại
5	Dịch vụ giáo dục	Bao gồm các dịch vụ giáo dục phổ thông cơ sở, giáo dục bậc cao, giáo dục cho người lớn, các dịch vụ giáo dục khác
6	Dịch vụ môi trường	Bao gồm các dịch vụ xử lý nước thải, xử lý rác thải, các dịch vụ khác
7	Dịch vụ tài chính	Bao gồm dịch vụ bảo hiểm, ngân hàng và chứng khoán
8	Dịch vụ y tế	Bao gồm dịch vụ bệnh viện, nha khoa và các dịch vụ y tế khác
9	Dịch vụ du lịch	Bao gồm dịch vụ khách sạn và nhà hàng, đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch, các dịch vụ du lịch khác
10	Dịch vụ văn hóa, giải trí và thể thao	
11	Dịch vụ vận tải	Bao gồm dịch vụ vận tải biển, vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, hàng không, các dịch vụ hỗ trợ vận tải
12	Các dịch vụ khác	

4 GATS có thay thế chính sách của từng Chính phủ về thương mại dịch vụ không?

GATS công nhận quyền của Chính phủ các thành viên trong việc quản lý, điều tiết việc cung cấp dịch vụ nhằm thực hiện các mục tiêu chính sách của mình. GATS cũng không can thiệp vào mục tiêu chính sách của mỗi nước.

Vì vậy ***chính sách thương mại dịch vụ của mỗi nước vẫn do Chính phủ nước đó quyết định***. Các doanh nghiệp thực hiện thương mại dịch vụ ở đâu vẫn phải tuân thủ quy định nội địa ở đó.

Tuy nhiên, ***GATS đưa ra một hệ thống các nguyên tắc chung mà các nước thành viên WTO đều phải tuân thủ***, qua đó có thể đảm bảo rằng các quy định về dịch vụ ở các nước này được quản lý, thực hiện một cách hợp lý, khách quan, công bằng và không tạo ra các rào cản không cần thiết đối với thương mại.

Do đó, doanh nghiệp có thể so sánh các chính sách, quy định về thương mại dịch vụ nội địa liên quan với các nguyên tắc chung của GATS để bảo vệ quyền lợi của mình.

5 Khi tham gia WTO, các nước thành viên có những nghĩa vụ gì trong lĩnh vực dịch vụ?

Khi tham gia WTO, trong lĩnh vực dịch vụ, các nước thành viên phải tuân thủ 02 nhóm nghĩa vụ sau:

- **Các nghĩa vụ chung**: Áp dụng bắt buộc và trực tiếp cho tất cả các thành viên cũng như tất cả các ngành dịch vụ;
- **Các cam kết cụ thể**: Mỗi nước Thành viên có các cam kết riêng về từng ngành dịch vụ thể hiện trong Biểu cam kết của nước đó. Biểu cam kết bao gồm cam kết nền và cam kết riêng cho từng ngành dịch vụ.

(*Xem cụ thể tại các Câu Hỏi và đáp liền sau*)

6 GATS quy định các nghĩa vụ chung gì cho các nước thành viên?

GATS quy định một tập hợp các nghĩa vụ (nguyên tắc) chung mà tất cả các quốc gia thành viên phải tuân thủ:

- **Nghĩa vụ đối xử tối huệ quốc (MFN)**: Nguyên tắc này đòi hỏi mỗi thành viên không được phân biệt đối xử giữa các dịch vụ và các nhà cung cấp dịch vụ đến từ các nước thành viên khác nhau.

Hộp 3 - Những ngoại lệ đối với nguyên tắc MFN trong dịch vụ

Theo quy định của GATS, các nước thành viên WTO phải đối xử với các nhà cung cấp dịch vụ đến từ các nước thành viên khác theo cách thức như nhau (về tất cả các vấn đề). Tuy nhiên, nguyên tắc MFN có một số ngoại lệ sau:

- **Theo cam kết riêng của từng nước trong WTO**: đây là trường hợp nước gia nhập thành công trong đàm phán miễn thực hiện nghĩa vụ này trong một số dịch vụ hoặc trường hợp cụ thể trong một số năm;
- **Theo các Thoả thuận khu vực hoặc các Hiệp định thương mại tự do**: các cam kết trong những Văn kiện này được ưu tiên áp dụng (và do đó các nước thành viên những Thoả thuận hay Hiệp định này có thể cho nhau hưởng đối xử ưu đãi ở mức cao hơn so với các nước thành viên WTO không tham gia Thoả thuận hay Hiệp định này)

- **Nghĩa vụ minh bạch hóa**:
  Mỗi nước thành viên phải công khai các quy định của mình trong lĩnh vực dịch vụ và phải thiết lập các ***Điểm hỏi đáp*** để cung cấp thông tin liên quan cho các nước thành viên khác cũng như các doanh nghiệp của các nước đó;

- **Các nghĩa vụ liên quan đến doanh nghiệp dịch vụ độc quyền**:
  GATS quy định các nước thành viên phải thiết lập các thủ tục hành chính và các nguyên tắc tố tụng minh bạch, khách quan đối với hoạt động của các doanh nghiệp dịch vụ độc quyền (để đảm bảo rằng các doanh nghiệp này không lạm dụng vị trí độc quyền).

Hộp 4 - Ví dụ về nghĩa vụ liên quan đến doanh nghiệp dịch vụ độc quyền

Liên quan đến lĩnh vực viễn thông, WTO quy định các nước thành viên có nghĩa vụ:

- Ban hành các quy định để đảm bảo các doanh nghiệp dịch vụ độc quyền phải đối xử bình đẳng ***đối với mọi khách hàng***, kể cả khách hàng trong nước và khách hàng ngoài nước;
- Ban hành và thực thi các ***thủ tục hành chính để đảm bảo kiểm soát*** việc thực hiện nghĩa vụ này của các doanh nghiệp.

7 Nghĩa vụ riêng của mỗi nước trong các cam kết cụ thể bao gồm những loại nào?

Cam kết riêng của mỗi nước về thương mại dịch vụ thường bao gồm cam kết về 02 vấn đề sau đây:

- Mở cửa thị trường cho dịch vụ và các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài;
- Mức độ đối xử quốc gia đối với dịch vụ và các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.

Sau đây là một số nội dung cơ bản của các nhóm nghĩa vụ này.

Cam kết về mức độ mở cửa thị trường:
"Mở cửa thị trường" được hiểu là việc cho phép dịch vụ và các nhà cung cấp dịch vụ của các nước thành viên khác được tiếp cận thị trường nội địa ở những mức độ nhất định. Với mỗi nước, cam kết mở cửa thị trường được ***thực hiện đối với từng phân ngành dịch vụ***, với mức độ mở cửa khác nhau tuỳ thuộc vào kết quả đàm phán khi gia nhập WTO.

Thực chất nội dung mỗi cam kết mở cửa thị trường trong từng phân ngành dịch vụ bao gồm ***các điều kiện có tính ràng buộc, hạn chế đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài*** ở mức độ khác nhau.

Hộp 5 - Một số loại điều kiện đối với nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài trong các cam kết mở cửa dịch vụ

Cam kết mở cửa một ngành hay phân ngành dịch vụ thường bao gồm một hoặc một số điều kiện về:

- Số lượng các nhà cung cấp dịch vụ;
- Giá trị của các hoạt động dịch vụ được thực hiện;
- Số lượng các hoạt động dịch vụ được thực hiện;
- Số lượng nhân viên;
- Hình thức pháp lý của nhà cung cấp dịch vụ (ví dụ chỉ được tham gia thị trường dưới hình thức công ty cổ phần…);
- Mức độ góp vốn trong liên doanh...

Ví dụ: Đối với dịch vụ sản xuất phim, cam kết về mở cửa thị trường của Việt Nam liên quan đến phương thức hiện diện thương mại của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài bao gồm các điều kiện sau:

- Chỉ được tham gia thị trường Việt Nam dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với đối tác Việt Nam đã được phép cung cấp các dịch vụ này tại Việt Nam; và
- Phần vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 51% vốn pháp định của liên doanh.

Cam kết về đối xử quốc gia

Trong WTO, nghĩa vụ đối xử quốc gia đòi hỏi một nước thành viên phải có chính sách, quy định đối với các dịch vụ, các nhà cung cấp dịch vụ từ các nước thành viên khác ***bằng hoặc tốt hơn*** các chính sách, quy định áp dụng cho dịch vụ và doanh nghiệp dịch vụ nội địa của mình.

Vì vậy, cam kết về đối xử quốc gia trong mỗi phân ngành dịch vụ thực chất là ***tập hợp các điều kiện, hạn chế mà nước thành viên áp dụng đối với nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ nước ngoài*** (theo cách kém ưu đãi hơn, không bình đẳng với nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ trong nước) - tức là các cam kết về ngoại lệ đối với nguyên tắc đối xử quốc gia.

Căn cứ vào các nghĩa vụ chung và các cam kết cụ thể này, các Thành viên sẽ ban hành các ***quy định nội địa cụ thể cho từng ngành/phân ngành dịch vụ đã cam kết***.

Với những ngành chưa có cam kết thì các Thành viên được tự do đưa ra quy định về bất kỳ hạn chế hay điều kiện nào, miễn là Thành viên vẫn phải đảm bảo nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (đối xử với các nhà cung cấp đến từ tất cả các nước thành viên WTO theo một cách như nhau).

Hộp 6 - Có gì khác biệt giữa nguyên tắc đối xử quốc gia trong thương mại hàng hoá và trong thương mại dịch vụ không?

Nội dung của nguyên tắc đối xử quốc gia (đối xử với các đối tượng nước ngoài như đối xử với các đối tượng của nước mình – ***national treatment – NT***) không khác biệt giữa thương mại hàng hoá và thương mại dịch vụ.

Tuy nhiên, cam kết đạt được giữa các nước thành viên WTO về mức độ thực hiện nguyên tắc này thì khác nhau giữa hai nhóm.

- Trong ***thương mại hàng hoá***, các nước thành viên WTO đã đạt được thoả thuận NT cho hầu hết các loại hàng hoá về thuế, phí, các quy định, điều kiện thương mại… Vì vậy, nguyên tắc NT trong thương mại hàng hoá được thực hiện hầu như ***ở mức tuyệt đối***.
- Đối với **thương mại dịch vụ**, mức độ cam kết mở cửa còn dè dạt và có nhiều hạn chế trong từng ngành, phân ngành dịch vụ đối với từng nước thành viên. Vì vậy, ***nguyên tắc NT áp dụng rất hạn chế***, phân biệt đối xử giữa nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài với nhà cung cấp dịch vụ trong nước còn tồn tại ở nhiều mức độ khác nhau.

8 Việt Nam có thể giảm bớt các điều kiện đối với các nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ nước ngoài so với cam kết không?

Cam kết trong Biểu Cam kết dịch vụ WTO của mỗi nước chỉ là mức đối xử "tối thiểu" mà nước đó buộc phải dành cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. Còn gọi là "***mức mở cửa tối thiểu***". Các thành viên hoàn toàn có thể "mở cửa" rộng hơn, nếu muốn.

Trên thực tế, tuỳ nhu cầu từng thời kỳ của mình, các nước thành viên WTO có thể áp dụng các điều kiện gia nhập thị trường cho nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài thông thoáng hơn cam kết của mình.

Vì vậy, ngoài Biểu cam kết trong dịch vụ của mình, doanh nghiệp cần chú ý những thay đổi trong pháp luật nội địa có liên quan để có điều chỉnh phù hợp kế hoạch kinh doanh, đầu tư (đặc biệt với đối tác nước ngoài) trong trường hợp Chính phủ có điều chỉnh chính sách để mở rộng thị trường hơn so với cam kết.

Hộp 7 - Ví dụ về mở cửa thị trường nhanh hơn cam kết

Trong cam kết về **dịch vụ giám định thương mại** (thuộc phạm vi dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật) Việt Nam chỉ phải cho phép các nhà đầu tư nước ngoài thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam sau 5 năm kể từ khi cho phép khu vực tư nhân cung cấp các dịch vụ này (tức là từ **2012**).

Tuy nhiên, căn cứ vào nhu cầu phát triển dịch vụ giám định, thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào dịch vụ này, ngay từ năm **2007** Việt Nam đã cho phép các nhà đầu tư nước ngoài thành lập doanh nghiệp giám định 100% vốn nước ngoài, quy định tại Quyết định 10/2007/QĐ-BTM .

9 Việt Nam có thể áp dụng các điều kiện đối với dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài khắt khe hơn mức đã cam kết không?

Theo GATS - Hiệp định chung về thương mại dịch vụ của WTO, một nước thành viên có thể không phải thực hiện các nghĩa vụ (tức là ***không thực hiện mở cửa như mức đã cam kết***) nếu việc này là nhằm thực hiện một trong các mục tiêu sau:

- Bảo vệ đạo đức chung và duy trì trật tự xã hội;
- Bảo vệ sức khoẻ con người, động thực vật;
- Đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật (ví dụ các biện pháp cần thiết để ngăn chặn các hành vi lừa dối, giả mạo) nếu không vi phạm GATS;
- Đối với dịch vụ tài chính, cho phép các nước thành viên được áp dụng các biện pháp khắt khe hơn cam kết vì lý do thận trọng (ví dụ để bảo vệ các nhà đầu tư, người gửi, những người ký hợp đồng bảo hiểm, để đảm bảo sự thống nhất và ổn định của hệ thống tài chính…);
- Trường hợp gặp phải khó khăn nghiêm trọng về cán cân thanh toán, các nước thành viên được phép hạn chế thương mại tạm thời.

10 Là nước đang phát triển, Việt Nam có được hưởng ưu đãi nào đặc biệt trong việc thực hiện các nghĩa vụ trong GATS không?

GATS có một số ***quy định mang tính "ưu tiên"*** cho các nước đang phát triển, đặc biệt là việc được hưởng hỗ trợ kỹ thuật từ các nước thành viên WTO khác và được "nương nhẹ" trong các đàm phán mở cửa thị trường. Tuy nhiên, trên thực tế những "ưu tiên" này hầu như chỉ là ***hình thức***.

Ví dụ, là nước đang phát triển nhưng Việt Nam thậm chí đã phải cam kết mở cửa thị trường rộng hơn mặt bằng cam kết chung của WTO.

11 Một Biểu cam kết dịch vụ chứa những thông tin gì ?

Dựa trên kết quả đàm phán, mỗi nước thành viên WTO phải đưa ra Biểu cam kết dịch vụ của mình. ***Biểu cam kết dịch vụ của một nước là tập hợp tất cả các cam kết cụ thể của nước đó về mức độ mở cửa trong từng ngành, phân ngành dịch vụ***

Mỗi Biểu cam kết sẽ bao gồm 02 phần:

- **Phần cam kết nền** (còn gọi là cam kết chung): là các cam kết áp dụng cho tất cả các ngành dịch vụ nêu trong Biểu cam kết, thường là các điều kiện về phương thức cung cấp dịch vụ như hiện diện thương mại hay hiện diện của thể nhân;
- **Phần cam kết riêng**: là các cam kết cụ thể trong từng ngành dịch vụ (bao gồm các điều kiện tiếp cận thị trường cụ thể trong từng ngành dịch vụ.

  Trường hợp có khác biệt giữa cam kết nền và cam kết riêng thì áp dụng quy định tại cam kết riêng).

Hộp 8 - Dịch vụ không có trong Biểu cam kết dịch vụ

Mỗi nước thành viên WTO có một Biểu cam kết dịch vụ riêng. Nghĩa vụ của họ trong việc mở cửa thị trường đối với từng dịch vụ sẽ thực hiện theo Biểu này.

- Các dịch vụ xuất hiện trong Bảng cam kết dịch vụ được gọi là ***dịch vụ CÓ-CAM-KẾT*** (bound). Việc mở cửa thị trường đối với các dịch vụ này của nước thành viên sẽ bị ràng buộc bởi cam kết.

- Các dịch vụ không xuất hiện trong Bảng cam kết dịch vụ được gọi là ***dịch vụ KHÔNG-CAM-KẾT*** . Đối với những trường hợp này, nước thành viên có thể tuỳ ý quyết định mở cửa hay không mở cửa, và mức độ mở cửa (nếu có) cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.

Hộp 9: Doanh nghiệp có thể tìm Biểu cam kết dịch vụ ở đâu?

- **Biểu cam kết dịch vụ của các nước thành viên WTO**: www.wto.org (Tổ chức thương mại thế giới);

- **Biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam**:
  www.mot.gov.vn (Bộ Công Thương);
  www.mof.gov.vn (Bộ Tài chính);
  www.nciec.gov.vn (Văn phòng Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế).

12 Cách đọc Biểu cam kết dịch vụ?

Ý nghĩa của các cột trong Biểu cam kết

Biểu cam kết dịch vụ gồm 4 cột, bao gồm

- Cột mô tả ngành/phân ngành;
- Cột nêu các cam kết mang tính hạn chế về tiếp cận thị trường;
- Cột nêu các cam kết mang tính hạn chế về đối xử quốc gia và
- Cột cam kết bổ sung.

Cột mô tả ngành/phân ngành

- Liệt kê các loại dịch vụ cụ thể được đưa vào cam kết.
- Theo danh mục phân loại ngành dịch vụ của Ban Thư ký WTO, có tất cả 12 ngành (được chia nhỏ thành 155 phân ngành dịch vụ) được các Thành viên WTO tiến hành đàm phán. Việt Nam cam kết mở cửa 11 ngành và 110 phân ngành.

Cột hạn chế về tiếp cận thị trường

- Liệt kê các điều kiện mang tính hạn chế đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài;
- Càng có nhiều biện pháp/điều kiện được liệt kê trong cột này thì mức độ mở cửa thị trường cho các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài càng hạn chế.

Cột hạn chế về đối xử quốc gia

- Liệt kê các biện pháp nhằm duy trì sự phân biệt đối xử giữa nhà cung cấp dịch vụ trong nước với nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài;
- Càng có nhiều biện pháp/quy định trong cột này thì sự phân biệt đối xử giữa các nhà cung cấp dịch vụ trong nước với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài càng lớn.

Cột cam kết bổ sung

- Liệt kê các quy định/điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động cung cấp và tiêu dùng dịch vụ nhưng không thuộc về hạn chế tiếp cận thị trường hay hạn chế về đối xử quốc gia mà nước thành viên được phép áp dụng;
- Thông thường, cột này thường bao gồm những quy định liên quan đến trình độ, tiêu chuẩn kỹ thuật, các yêu cầu hoặc thủ tục về việc cấp phép…

Ý nghĩa của các phương thức cung cấp dịch vụ

Các cam kết được xác định riêng cho từng phương thức cung cấp dịch vụ.

Trong Biểu cam kết, để tránh phải nhắc lại cho mỗi dịch vụ, các phương thức cung cấp dịch vụ được đánh theo số thứ tự như sau:

(1) "Cung cấp dịch vụ qua biên giới" (Phương thức 1);

(2) "Tiêu dùng dịch vụ ở nước ngoài" (Phương thức 2);

(3) "Hiện diện thương mại của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài (Phương thức 3);

(4) "Hiện diện của thể nhân" (Phương thức 4).

Phương thức 1: Là phương thức theo đó dịch vụ được cung cấp từ lãnh thổ của một nước thành viên này sang lãnh thổ của một nước thành viên khác (*ví dụ, vận tải hàng hoá hoặc hành khách từ Trung Quốc sang Việt Nam*).

Phương thức 2: Là phương thức theo đó người tiêu dùng của một nước thành viên di chuyển sang lãnh thổ của một nước thành viên khác để tiêu dùng dịch vụ (*ví dụ khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam tham quan và mua sắm*).

Phương thức 3: Là phương thức theo đó nhà cung cấp dịch vụ của một nước thành viên thiết lập các hình thức hiện diện như công ty 100% vốn nước ngoài, công ty liên doanh, chi nhánh v.v…trên lãnh thổ của một thành viên khác để cung cấp dịch vụ (*ví dụ ngân hàng Hoa Kỳ thành lập chi nhánh để kinh doanh tại Việt Nam, doanh nghiệp phân phối EU thiết lập siêu thị tại Việt Nam để phân phối hàng hóa...*)

Phương thức 4: Là phương thức theo đó thể nhân cung cấp dịch vụ của một Thành viên di chuyển sang lãnh thổ của một nước thành viên khác để cung cấp dịch vụ (*ví dụ, các nghệ sĩ, chuyên gia nước ngoài sang Việt Nam hoạt động*).

Nội dung cam kết

Các cam kết trong từng dịch vụ, từng phương thức cung cấp của dịch vụ có nội dung khác nhau. Về cơ bản, các cam kết thường có nội dung rơi vào một trong 04 loại sau:

- Cam kết toàn bộ;
- Cam kết kèm theo những hạn chế;
- Không cam kết; hoặc
- Không cam kết vì không có tính khả thi kỹ thuật.

Cam kết toàn bộ: Là cam kết không áp dụng các biện pháp hạn chế mở cửa thị trường hoặc đối xử quốc gia (tự do hoá hoàn toàn);

Cam kết kèm theo hạn chế: Là cam kết với một số điều kiện về mở cửa thị trường và đối xử quốc gia. Với dạng cam kết này, nước thành viên sẽ chỉ áp dụng các biện pháp được liệt kê, ngoài ra sẽ không áp dụng các biện pháp mở cửa thị trường/đối xử quốc gia khác.

Không/chưa cam kết: Là trường hợp nước thành viên có thể áp dụng bất kỳ điều kiện nào đối với việc mở cửa thị trường hay đối xử quốc gia.

Không cam kết vì không có tính khả thi kỹ thuật: Là trường hợp nước thành viên không đưa ra cam kết đối với một số dịch vụ do không thể được cung cấp theo một số phương thức (*ví dụ không thể cung cấp dịch vụ xây dựng qua biên giới*).

Bảng 2: Ví dụ trích đoạn Biểu cam kết dịch vụ trong WTO của Việt Nam

Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân			
Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
(a) Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá)	(1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ Kể từ ngày gia nhập, các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được thành lập liên doanh hoặc tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác Việt Nam đã được phép kinh doanh dịch vụ quảng cáo. Kể từ ngày gia nhập, cho phép thành lập liên doanh trong đó phần vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 51% vốn pháp định của liên doanh. Kể từ ngày 1/1/2009, không hạn chế tỷ lệ góp vốn của phía nước ngoài trong liên doanh. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung	Không hạn chế. Không hạn chế. Không hạn chế. Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.	Việc quảng cáo rượu phải tuân thủ các quy định của Nhà nước được áp dụng trên cơ sở không phân biệt đối xử.

Ví dụ - Trích Biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam – Mục về dịch vụ quảng cáo

13

MỤC LỤC BẢNG - HỘP

Hộp 1: Mục tiêu cơ bản của GATS 04

Hộp 2: Các nội dung cơ bản của GATS 05

Hộp 3: Những ngoại tệ đối với nguyên tắc MFN trong dịch vụ 11

Hộp 4: Ví dụ về nghĩa vụ liên quan đến doanh nghiệp dịch vụ độc quyền 12

Hộp 5: Một số loại điều kiện đối với nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài trong các cam kết mở cửa dịch vụ 14

Hộp 6: Có gì khác biệt giữa nguyên tắc đối xử quốc gia trong thương mại hàng hóa và trong thương mại dịch vụ không? 16

Hộp 7: Ví dụ về mở cửa thi trường nhanh hơn cam kết 18

Hộp 8: Dịch vụ không có trong Biểu cam kết dich vụ 22

Hộp 9: Doanh nghiệp có thể tìm biểu cam kết dịch vụ ở đâu? 23

Bảng 1: Các ngành dịch vụ theo phân loại không chính thức của GATS 08

Bảng 2: Ví dụ trích đoạn Biểu cam kết dịch vụ trong WTO của Việt Nam 29

HỆ THỐNG NGẮN GỌN VỀ WTO VÀ CÁC CAM KẾT GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM

I. CÁC HIỆP ĐỊNH VÀ NGUYÊN TẮC WTO

1 WTO là gì?

2 WTO và Doanh nghiệp

3 Biện pháp tự vệ trong thương mại quốc tế

4 Trợ cấp và thuế chống trợ cấp

5 Kiện chống bán phá giá

6 Rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT)

7 Các biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS)

8 Xác định trị giá tính Thuế hải quan

9 Hiệp định Nông nghiệp

10 Hiệp định GATS và Biểu cam kết dịch vụ

II. CAM KẾT GIA NHẬP WTO TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

III. CAM KẾT GIA NHẬP WTO TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

IV. CAM KẾT GIA NHẬP WTO TRONG LĨNH VỰC THUẾ QUAN

Ban Pháp chế - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
số 9 Đào Duy Anh - Hà Nội
Tel: 04-5742022 (máy lẻ 356) hoặc 04-5771458; Fax: 04-5770632
Website: www.chongbanphagia.vn